

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 16/3/2018.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Mai Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2017/TLST-DS ngày 25/10/2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐDS-ST ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam

Địa chỉ: Số 35 H, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phạm Tấn Đăng K – Chuyên viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh N theo các văn bản ủy quyền số 1673/QĐ- BIDV.NT ngày 01/9/2017, số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* ông Phan Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/3/2012, Ngân hàng Đ Việt Nam nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) có ký thỏa thuận Hợp đồng tín dụng mục đích vay tiêu dùng CBCNV với ông Phan Văn H với hạn mức 10.000.000^d, lãi suất 19,5%/năm và có điều chỉnh từng quý, thời hạn vay 24 tháng, gốc lãi trả hàng tháng 550.000^d, người có nghĩa vụ trả nợ chung là bà Nguyễn Thị L, mẹ ruột. Sau khi giải ngân nhận tiền đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 7.083.128^d, tiền lãi 1.716.872^d, kỳ trả nợ cuối cùng là 27/9/2013. Kể từ ngày 27/10/2013 ông H không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H, bà L vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng. Ngày 28/12/2013 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 16/3/2018 là 5.001.128^d (Trong đó tiền gốc 2.916.872^d, tiền lãi trong hạn 1.467.572^d, lãi quá hạn 616.684^d) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/3/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Phan Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2018 trình bày: Con trai bà là Phan Văn H khi còn làm bảo vệ của trường có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Khi vay bà có cùng ký với ông H là đồng ý trả nợ với ông H, hiện nay do ông H đang kinh tế khó khăn nên không thể trả tiền nợ cho Ngân hàng được. Bà và ông H đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 12/10/2017 là 4.788.257^d. Từ đây đến hết nguyên đơn sẽ cố gắng để trả cho Ngân hàng, nếu không trả thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đơn kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn cư trú tại phường Bảo an, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Về thời hiệu: Quá trình tố tụng Ngân hàng không yêu cầu áp dụng thời hiệu; ông H, bà L không có bất kỳ văn bản nào có ý kiến về thời hiệu. Căn cứ khoản 2 điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng ông H, bà L vẫn vắng mặt không lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo hợp đồng tín dụng số 6769/HĐ ngày 08/3/2012 giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam với ông Phan Văn H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Phan Văn H đã được Ngân hàng cấp tín dụng với số tiền vay 10.000.000^d, lãi suất 19,5%/năm và có điều chỉnh lãi từng quý, thời hạn vay 24 tháng, gốc lãi trả hàng tháng 550.000^d, kỳ trả nợ đầu tiên là tháng 4/2012. Tại bản kê rút vốn ông H đã ký xác nhận nợ vay 10.000.000^d và được bà L thừa nhận tại biên bản ghi lời khai lập ngày 11/01/2018 cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Sau khi được cấp tín dụng ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 7.083.128^d, tiền lãi 1.716.872^d, đến ngày 27/10/2013 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm điều 4 của Hợp đồng tín dụng được 2 bên ký kết thì “ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, (đã điều chỉnh)”. Ngày 27/12/2003 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại điều 4 của hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại điều 3 và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặc khác, bị đơn ông Phan Văn H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và

không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên theo quy định tại điều 91, khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét quan điểm của của Viện kiểm sát, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị L thanh toán khoản tiền nợ tính đến ngày 16/3/2018 là 5.001.128^d (Trong đó tiền gốc 2.916.872^d, tiền lãi trong hạn 1.467.572^d, lãi quá hạn 616.684^d) và thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/3/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ phù hợp điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91; điều 92; điều 147; khoản 2 điều 184; khoản 2 điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam đối với bị đơn là ông Phan Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L

- Buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 6769/HĐ tính đến ngày 16/3/2018 là 5.001.128^d (Trong đó tiền gốc 2.916.872^d, tiền lãi trong hạn 1.467.572^d, lãi quá hạn 616.684^d).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 17/3/2018 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị L phải chịu 250.000^d (hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng)

theo biên lai thu số 0014361 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Phan Rang – Tháp Chàm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Liên

Nguyễn Lê Anh Thư

Lê Hưng Dũng

